



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : **VungTauTourist**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3500101812
- Vốn điều lệ : 186.445.000.000đ (Một trăm tám mươi sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Cơ cấu vốn	Vốn điều lệ	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước	109.784	58,88
2	Vốn các cổ đông khác	76.661	41,12
	Tổng cộng	186.445	100

- Địa chỉ : 207 Võ Thị Sáu - Phường Thắng Tam – TP. Vũng Tàu
- Số điện thoại : 0.64.3856445 - 3856446
- Số fax : 0.64.3856444
- Website : <http://www.vungtautourist.com.vn>
- Mã cổ phiếu : VTG

2. Quá trình hình thành và phát triển :

Công ty du lịch Tỉnh BR-VT (Vungtau Tourist) là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo quyết định số 236/QĐ.UBT ngày 10/4/1996 của Ủy Ban nhân dân tỉnh BR-VT trên cơ sở đổi tên Công ty Du lịch và Phát triển kinh tế dịch vụ Vũng Tàu kết hợp giải quyết những tồn đọng do giải thể Công ty du lịch Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo từ năm 1991; tiếp sau đó UBND Tỉnh có quyết định số 360/ QĐ.UBT ngày 26/6/1996 sáp nhập công ty du lịch Long Hải vào Công ty cổ phần du lịch tỉnh BRVT.

Ngày 28/12/2005, Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT được cổ phần hóa từ công ty nhà nước theo quyết định số 5078/ QĐ. UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh BR-VT. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500101812,

đăng ký lần đầu ngày 05/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 19/4/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh BR-VT cấp.

Đến nay, Vungtau Tourist đã có chỗ đứng trên thị trường. Ngoài thương hiệu Vungtau Tourist, các thương hiệu con cũng được nhiều khách hàng đánh giá cao như : Khách sạn Sammy, Khách sạn Thùy Vân, Khu du lịch Biển Đông.

Công ty hiện có 16 khoản vốn góp đầu tư ra ngoài doanh nghiệp. Trong đó có 02 công ty con, 02 đơn vị liên doanh liên kết và 12 đơn vị đầu tư khác, đa phần hoạt động trong lĩnh vực du lịch, giải trí.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, phòng hát karaoke, massage, vũ trường, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu.

- Dịch vụ bãi tắm, bãi biển (đi du thuyền), đua thuyền, leo núi, cưỡi thuyền bay...hoạt động thể thao dưới nước.

- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ (trừ kinh doanh quầy bar, quán giải khát có khiêu vũ).

- Dịch vụ du lịch lữ hành trong và ngoài nước.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư cải tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê lại; đầu tư tạo đất và công trình hạ tầng trên đất để cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: chở khách du lịch bằng xe xích lô.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: đại lý vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô; đại lý khai thuê hải quan.

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: môi giới thương mại, ủy thác mua bán hàng hóa; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

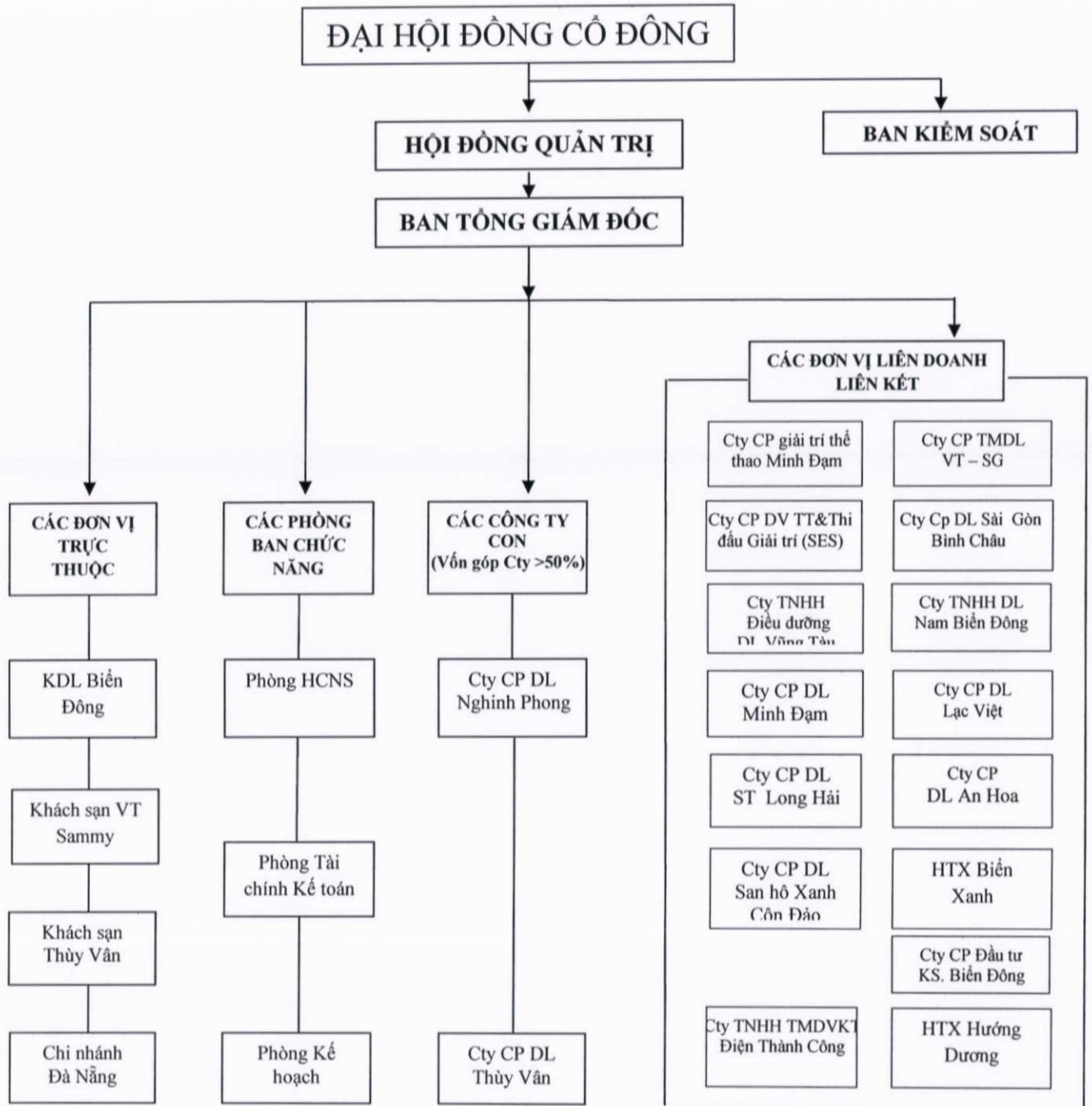
...

3.2. Địa bàn kinh doanh : tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị : Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Thông tin về người có liên quan của công ty:

Số TT	Tên tổ chức / cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ
1	Vốn nhà nước Đại diện : Ông Thái Hoàng Thân	Chủ tịch HDQT	10.978.400 cp	58.88%

2	Ông Nguyễn Hồng Ân	Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	2.800 cp	
3	Công ty TNHH XD&DV TM An Khang Đại diện : Ông Lê Văn Chiến	Thành viên HĐQT	3.060.138	16,41%
4	Công ty TNHH TM-DL Ngọc Lâm Đại diện : Ông Nguyễn Tiến Mạnh	Thành viên HĐQT	2.237.340	12%
5	Bà Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Kế toán trưởng Thành viên HĐQT	1.600 cp	
6	Ông Lê Chí Toàn	Phó TGD	2.900 cp	
7	Bà Nguyễn Thị Lý	Trưởng BKS	200 cp	
8	Bà Nguyễn Thị Thành	Thành viên BKS	130 cp	
9	Bà Vũ Ngọc Linh	Thành viên BKS	00 cp	

5. Định hướng phát triển:

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc vốn hợp lý, hiệu quả. Tập trung tiềm lực vào hoạt động kinh doanh chính trên địa bàn Tỉnh BR-VT.
- Thực hiện thoái vốn nhà nước theo chủ trương của UBND tỉnh.
- Điều chỉnh mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty cho phù hợp trong từng giai đoạn để tập trung đầu tư, phát triển thị trường.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát. Quan tâm sâu sát hơn nữa các đơn vị trực thuộc để có những hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời. Đồng thời hướng dẫn đơn vị thực hiện tốt các quy chế, quy định về công tác hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng quy chế quản lý tài chính, định mức chi phí phù hợp với từng đơn vị trực thuộc nhằm tăng hiệu quả kinh doanh.
- Xây dựng, ban hành quy chế lương thưởng phù hợp để áp dụng trên toàn hệ thống công ty.
- Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Kiến nghị về sắp xếp tài sản nhà đất cho phù hợp với chủ trương của Tỉnh và hiệu quả nhất cho Công ty (Nghị định 167- ND/CP).
- Tiếp tục kiến nghị có kết quả về tiền thuê đất.

6. Cơ cấu cổ đông:

6.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 18.644.500 cổ phần.

Loại cổ phần đang lưu hành: phổ thông.

6.2. Cơ cấu cổ đông :

STT	NỘI DUNG	SỐ NHÀ ĐÀU TƯ	CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ
I. 1	Phân loại theo tỷ lệ sở hữu:			
	Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:			
	CÓ ĐÔNG LỚN (>=5%)	3	16.275.878	87,30%
	CÓ ĐÔNG NHỎ (<5%)	179	2.368.622	12,70%
II. 1 2 3	Phân loại theo chủ sở hữu:			
	Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân			
	CÓ ĐÔNG TỔ CHỨC	7	17.440.988	93,54%
	CÓ ĐÔNG CÁ NHÂN	175	1.203.512	6,46%
	Cổ đông trong nước			
	CÓ ĐÔNG TRONG NƯỚC	182	18.644.500	100%
	CÓ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	0	0	0
	Cổ đông nhà nước, cổ đông khác			
	CÓ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	1	10.978.400	58,88%
CÓ ĐÔNG KHÁC	181	7.666.100	41,12%	

7. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế: suy thoái kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh du lịch, khách du lịch giảm sút, chi tiêu cho du lịch thấp.

- Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh: điều kiện thời tiết, dịch bệnh ảnh hưởng nặng nề đến ngành du lịch.

- Nguồn vốn đầu tư dàn trải, nằm ở các dự án liên doanh-liên kết là chủ yếu, sở hữu tỷ lệ vốn thấp; một số dự án chưa được triển khai thực hiện hoàn chỉnh để đưa vào kinh doanh, chỉ một số ít là có hiệu quả.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

Tình hình hoạt động kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do lượng khách đến Vũng Tàu giảm mạnh, nhất là khách lẻ ; cạnh tranh gay gắt với các dịch vụ đang nổi hiện nay như: homestay, căn hộ, các khách sạn mới đưa vào hoạt động; cơ sở vật chất có thời gian sử dụng trên dưới 20 năm nên xuống cấp, thường bị động trong việc bán phòng trọn gói, khách chỉ sử dụng phòng nghỉ mà không sử dụng các dịch vụ kèm theo.

Trong năm 2018-2019, Công ty đã tạm ngưng hoạt động Chi nhánh lữ hành TPHCM và Chi nhánh lữ hành Vũng Tàu do kinh doanh không hiệu quả, không có nguồn khách, thiếu nhân sự, nợ thuế tồn đọng lớn, lỗ liên tục nhiều năm. Công ty sẽ tái hoạt động trở lại hai chi nhánh này khi đủ điều kiện.

2. Kết quả kinh doanh:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

NỘI DUNG	Mã số	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
----------	-------	-------------------	-------------------

TÀI SẢN

TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	59.293.227.335	58.679.856.770
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	17.230.887.405	15.578.297.407
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	26.000.000.000	19.190.004.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	13.687.783.760	18.998.331.489
Hàng tồn kho	140	1.306.432.444	1.282.021.439
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.068.123.726	3.631.202.035
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	167.498.577.503	172.185.339.050
Các khoản phải thu dài hạn	210	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220	50.956.374.285	57.953.905.862
Bất động sản đầu tư	230	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	111.838.358.904	108.427.377.805
Tài sản dài hạn khác	260	4.203.844.314	5.304.055.383
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	226.791.804.838	230.865.195.820

NGUỒN VỐN

NỢ PHẢI TRẢ	300	54.714.542.046	64.376.038.045
Nợ ngắn hạn	310	38.813.771.783	48.507.267.782
Nợ dài hạn	330	15.900.770.263	15.868.770.263
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	172.077.262.792	166.489.157.775
Vốn chủ sở hữu	410	172.077.262.792	166.489.157.775
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	226.791.804.838	230.865.195.820

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã kiểm toán)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	102.900.945.774	111.703.724.452
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
Doanh thu thuần	10	102.900.945.774	111.703.724.452
Giá vốn hàng bán	11	52.090.605.662	56.676.753.502
Lợi nhuận gộp	20	50.810.340.112	55.026.970.950
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.299.268.907	4.847.837.378

Chi phí tài chính	22	(9.679.613.713)	97.570.744
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	10.022.986	97.428.752
Chi phí bán hàng	25	25.916.629.739	26.795.043.245
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.350.851.701	30.352.713.702
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	8.521.741.292	2.629.480.637
Thu nhập khác	31	42.619.105	3.928.125.168
Chi phí khác	32	413.535.556	578.152.463
Lợi nhuận khác	40	(370.916.451)	3.349.972.705
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	8.150.824.841	5.979.453.342
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.562.719.824	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.588.105.017	5.979.453.342

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN			
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	66.128.139.088	60.603.717.333
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	18.960.253.708	20.137.279.435
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	26.000.000.000	19.190.004.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	16.277.951.169	15.316.859.754
Hàng tồn kho	140	1.440.805.622	1.420.933.444
Tài sản ngắn hạn khác	150	3.449.128.589	4.538.640.300
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	164.470.912.794	176.982.640.019
Các khoản phải thu dài hạn	210	500.000.000	500.000.000
Tài sản cố định	220	91.698.254.252	101.325.444.886
Bất động sản đầu tư	230	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	64.674.588.232	65.624.525.781
Tài sản dài hạn khác	260	7.598.070.310	9.532.669.352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	230.599.051.882	237.586.357.352
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ	300	50.570.135.675	60.384.095.995
Nợ ngắn hạn	310	34.549.365.412	44.395.325.732
Nợ dài hạn	330	16.020.770.263	15.988.770.263
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	180.028.916.207	177.202.261.357

Vốn chủ sở hữu	410	180.028.916.207	177.202.261.357
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	230.599.051.882	237.586.357.352

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	131.408.308.559	140.482.601.403
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
Doanh thu thuần	10	131.408.308.559	140.482.601.403
Giá vốn hàng bán	11	66.662.579.409	71.258.312.671
Lợi nhuận gộp	20	64.745.729.150	69.224.288.732
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.387.510.927	3.814.211.444
Chi phí tài chính	22	(5.449.741.140)	104.752.795
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	12.306.073	104.752.795
Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24	(133.329.162)	-
Chi phí bán hàng	25	29.454.938.487	30.563.807.590
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38.829.437.295	35.740.473.548
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	8.165.276.273	6.629.466.243
Thu nhập khác	31	72.201.080	3.936.280.623
Chi phí khác	32	548.895.460	707.072.799
Lợi nhuận khác	40	(476.694.380)	3.229.207.824
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.688.581.893	9.858.674.067
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4.219.927.783	373.422.790
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.468.654.110	9.485.251.277
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	2.793.151.365	8.806.446.323
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	675.502.745	678.804.954
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	150	472

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán)

3. Đầu tư ngoài doanh nghiệp: Công ty góp vốn vào các dự án như sau:
- Công ty con: ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP DL Nghinh Phong	37.795.840.000	96,18
2	Cty CP DL Thùy Vân	9.868.495.615	50,07

- Các dự án khác:

STT	Tên đơn vị	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đầu tư khách sạn Biển Đông	9.360.382.918	26,53
2	Cty CP giải trí thể thao Minh Đạm	1.190.000.000	35,00
3	Cty DV TT & TĐGT (SES)	1.169.190.000	2,00
4	Cty TNHH Điều Dưỡng DL Vũng Tàu	2.452.372.777	7,12
5	Cty CP DL Minh Đạm	2.784.000.000	10,00
6	Cty CP DL sinh thái Long Hải	3.468.701.654	5,83
7	Cty CP DL San Hô Xanh Côn Đảo	800.000.000	10,00
8	Cty TNHH TMDVKT Điện Thành Công	800.000.000	20,00
9	Cty CP TMDL Vũng Tàu – Sài Gòn	9.390.560.000	10,00
10	Cty CP DL Sài Gòn – Bình Châu	28.602.790.000	4,045
11	Cty TNHH DL Nam Biển Đông	3.326.935.087	14,29
12	Cty CP DL Lạc Việt	13.000.000.000	5,61
13	Cty CP DL An Hoa	500.000.000	1,00
14	HTX Biển Xanh	10.000.000	
15	HTX DL Hương Dương	5.000.000	
	Tổng cộng	76.859.932.436	

Các khoản vốn góp đầu tư ra ngoài doanh nghiệp chiếm tỷ trọng tương đối lớn (60%) trong vốn điều lệ Công ty, đa phần hoạt động trong lĩnh vực du lịch, giải trí.

Từ khi góp vốn đầu tư có 03 đơn vị luôn hoạt động hiệu quả và được chia cổ tức hàng năm từ 5-10% là Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn – Bình Châu, Công ty CP DL TM Vũng Tàu – Sài Gòn và Công ty cổ phần du lịch Thùy Vân.

Phần vốn góp vào Công ty CPDL Nghinh Phong từ khi bắt đầu hoạt động năm 2013 đến năm 2016 chưa có hiệu quả do giai đoạn đầu thành lập vừa đầu tư sửa sang vừa tìm nguồn khách. Từ năm 2017 bắt đầu có lãi và đến năm 2019 giảm lỗ lũy kế còn khoảng 500 triệu đồng.

Các khoản vốn đầu tư còn lại: một số đang trong giai đoạn đầu tư dở dang, một số có chủ trương thu hồi đất, thu hồi dự án, thi hành án, tranh chấp kiện tụng, hoạt động không hiệu quả, lỗ lũy kế lớn. Do đó, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng đầu tư tài chính khá lớn cho các khoản đầu tư này làm ảnh hưởng nặng nề và trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.

III. Báo cáo đánh giá của Ban tổng giám đốc:

1. Các yếu tố tác động đến tình hình kinh doanh năm 2019:

- Kinh tế toàn cầu phục hồi nhưng chưa ổn định; chiến tranh thương mại gia tăng. Tình hình trong nước vẫn còn những hạn chế, yếu kém tích tụ từ trước; thiên tai, bão lũ gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Nhiều nhà hàng, khách sạn, khu du lịch mới ra đời làm giảm thị phần khách của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc chưa có nhiều sản phẩm mới để thu hút du khách, thiếu không gian vui chơi, mua sắm về đêm... dẫn đến không thu hút khách lưu trú dài ngày, mà chỉ là đối tượng khách đi về trong ngày và tập trung vào những ngày cuối tuần, lễ, tết.

- Công nợ phải thu khó đòi trước đây còn tồn đọng lớn, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Một số tài sản đất đai đang bị tranh chấp khiếu kiện.

- Cơ sở vật chất qua thời gian dài hoạt động đã xuống cấp, việc đầu tư cải tạo hàng năm có tiến hành nhưng chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của du khách.

- Tiền thuê đất tăng đột biến, nhất là đất ở khu vực biển Bãi Sau, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của đơn vị.

- Công tác thanh kiểm tra, kiến nghị, khiếu nại, giải trình kéo dài cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp.

2. Kết quả một số hoạt động:

- Kết quả kinh doanh năm 2019 của công ty không tốt do lượng khách lẻ giảm mạnh nhất là các ngày lễ lớn trong năm. Bên cạnh đó, thị trường khách Châu Á thay đổi điểm đến là Đà Nẵng, Hội An, Huế, ... vì đã có đường bay trực tiếp thuận tiện hơn, sản phẩm dịch vụ đa dạng phong phú hơn, sự cạnh tranh rất lớn của các khách sạn mới đưa vào hoạt động, các nhà nghỉ, homestay giá cả linh hoạt, ... đơn vị đã tăng cường khai thác khách đoàn nhưng kết quả vẫn không đạt như mong muốn dẫn đến kết quả kinh doanh 2019 không đạt kế hoạch đề ra, hầu hết các loại hình dịch vụ đều giảm từ 8-20% so với cùng kỳ.

- Công tác nhân sự: Công ty đã và đang tiến hành củng cố, định biên, ổn định tổ chức, đến hiện tại đã dần ổn định. Tại các đơn vị trực thuộc thường xuyên thực hiện công tác luân chuyển lao động, tăng kiêm nhiệm, giảm cán bộ trung gian, bố trí lao động phù hợp với sự phát triển của đơn vị cơ sở.

- Các đơn vị chủ lực của Công ty như: Khu du lịch Biển Đông, Khách sạn Sammy chuyển đổi thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và đánh giá giám sát hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn HACCP CODEX. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhằm kiểm soát tốt hơn; nâng cao nhận thức, năng suất và chuyển biến phong cách làm việc của người lao động; nâng cao chất lượng, sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng. Vì thế nhiều công ty lữ hành lớn như Lữ hành Việt, Viettravel, Saigon Tourist... đã tín nhiệm chọn tổ chức cho những đoàn khách lớn.

- Công ty, các đơn vị trực thuộc đã triển khai nhiều giải pháp đẩy mạnh hoạt động kinh doanh: Xây dựng các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, có chính sách giá cả linh hoạt, thường xuyên cập nhật thông tin, nắm bắt thị trường, tăng cường công tác tổ chức tiếp thị trực tiếp, chăm sóc khách hàng tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, TPHCM, Bình Dương, Đồng Nai... nhằm duy trì thường xuyên lượng khách hàng truyền thống và khai thác thêm lượng khách hàng mới. Công tác bán dịch vụ qua mạng ngày càng có hiệu quả. Doanh thu bán phòng trực tuyến trên các kênh agoda.com, chudu.com, booking.com,... luôn được duy trì. Thông qua mạng internet, thương hiệu VungTau Tourist nói chung và các thương hiệu con ngày càng được khách hàng biết đến.

- Công nợ phải thu lớn, phức tạp, khó đòi, do số dư nợ cũ tồn tại quá nhiều năm, nhiều chi tiết, tính chất công nợ khác nhau, nhiều con nợ không còn tìm được địa chỉ, mặc dù Công ty đã có nhiều cố gắng như phân loại công nợ, xác định, ký xác nhận nợ, liên hệ tìm địa chỉ, gửi thư mời làm việc, gửi thư đòi nợ... Tuy nhiên, kết quả các biện pháp hành chính trên cũng hạn chế, cần phải có sự hỗ trợ hướng dẫn của các cơ quan, luật pháp có biện pháp thích ứng để công tác thu hồi nợ hiệu quả hơn đáp ứng tốt yêu cầu thoái vốn của UBND Tỉnh.

IV. Hoạt động quản trị công ty:

1. Hoạt động giám sát của HĐQT:

- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, HĐQT thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với Ban điều hành để giải quyết những khó khăn nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Giám sát việc giao cho Ban tổng giám đốc tổ chức bán đấu giá công khai quyền mua cổ phần tăng vốn góp tại Công ty cổ phần du lịch Saigon – Bình Châu.

- Đối với các vấn đề cần có sự thông qua của HĐQT, nếu không tổ chức được các cuộc họp thảo luận thì thông qua các thành viên Hội đồng quản trị Công ty bằng hình thức lấy ý kiến qua thư tín.

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc ban hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT công ty. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT công ty đều được ban hành trên cơ sở tuân thủ Điều lệ công ty, quy định, quy chế quản trị nội bộ của công ty.

- HĐQT công ty thực hiện đầy đủ, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.

- Tổ chức giám sát Ban giám đốc điều hành trong việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo Pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ công ty, việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Việc phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc với cổ

đồng được duy trì và thực hiện tốt đảm bảo nguyên tắc vì lợi ích của cổ đông và tuân thủ quy định của Pháp luật, quy định của Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT.

Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGD trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

HĐQT, Ban TGD và các bộ phận chức năng luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với Ban kiểm soát trên mọi lĩnh vực hoạt động.

3. Các giao dịch: không có.

V. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần du lịch tỉnh BR-VT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán, xác nhận và được công bố tại địa chỉ website của công ty : www.vungtautourist.com.vn

tu
Xác nhận
của người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Ân

